

**BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

NGUYỄN THỊ VÂN ANH

**ĐIỀU TRA KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY CÓ ÍCH CỦA ĐỒNG BÀO
H'MÔNG VÀ ĐAO TẠI HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC SINH HỌC

Hà Nội - 2016

**BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

VIỆN SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

NGUYỄN THỊ VÂN ANH

**ĐIỀU TRA KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY CÓ ÍCH CỦA ĐỒNG BÀO
H'MÔNG VÀ DAO TẠI HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI**

CHUYÊN NGÀNH: THỰC VẬT HỌC

MÃ SỐ: 60 42 01 11

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC SINH HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Bùi Văn Thanh

Hà Nội - 2016

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bản Luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình, tâm huyết của TS. Bùi Văn Thanh, qua đây tôi xin gửi lời cảm trân thành và sâu sắc tới người thầy đã trực tiếp hướng dẫn tôi.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Bộ phận Đào tạo, Phòng Thực vật dân tộc học đã khích lệ động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn cao học.

Trong suốt thời gian thực hiện việc điều tra tại địa phương, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của UBND xã Ý Tý, UBND xã Dền Sáng, UBND xã Sàng Ma Sáo, UBND xã Trung Lèng Hồ và người dân tại khu vực nghiên cứu, tôi xin chân thành cảm ơn.

Để có được kết quả của đề tài này, tôi cũng đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của các cán bộ phòng Thực vật học – Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình đó.

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2016

Học viên

Nguyễn Thị Vân Anh

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC HÌNH

DANH MỤC BẢNG

LỜI CẢM ƠN	3
DANH MỤC HÌNH.....	6
DANH MỤC BẢNG	7
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN.....	3
1.1. Tình hình sử dụng và nghiên cứu cây có ích trên Thế giới.....	3
1.1.1. Tình hình sử dụng các nhóm cây có ích trên Thế giới.....	3
1.2. Tình hình nghiên cứu các nhóm cây có ích ở Việt Nam	10
1.3. Khái quát về điều kiện tự nhiên và xã hội ở huyện Bát Xát	13
1.3.1. Điều kiện tự nhiên.....	13
1.3.2. Tài nguyên thiên nhiên.....	14
1.3.3. Kinh tế xã hội.....	16
1.3.4. Vài nét về dân tộc H'Mông	17
1.3.5. Vài nét về dân tộc Dao	18
Chương 2: ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	19
2.1. Đối tượng nghiên cứu	19
2.2. Nội dung nghiên cứu.....	19
2.3. Địa điểm nghiên cứu	19
2.4. Phương pháp nghiên cứu.....	19
2.4.1. Phương pháp thực vật học.....	19
2.4.2. Phương pháp điều tra cộng đồng.....	21

Chương 3: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN	23
3.1. Nguồn tài nguyên cây có ích được dân tộc H'Mông và Dao huyện Bát Xát sử dụng.....	23
3.1.1. Sự đa dạng trong các bậc taxon	23
3.1.2. Đa dạng về dạng thân của nguồn cây có ích ở huyện Bát Xát, Lào Cai.....	29
3.2. Kinh nghiệm sử dụng cây có ích của đồng bào dân tộc H'Mông, Dao ở huyện Bát Xát, Lào Cai	30
3.2.1. Các nhóm cây có ích được sử dụng	30
3.2.2. Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc chữa bệnh cho người.....	32
3.2.3. Tri thức sử dụng cây ăn được	47
3.3. Những loài cây thuộc diện bảo tồn ở Việt Nam đã ghi nhận được tại huyện Bát Xát được đồng bào dân tộc H'Mông và Dao sử dụng	52
3.3.1. Một số loài cây có ích thuộc diện được bảo tồn ở Bát Xát được đồng bào dân tộc H'Mông và Dao sử dụng	52
3.3.2. Một số loài cây có ích thuộc diện được bảo tồn ở Bát Xát được đồng bào dân tộc H'Mông và dao sử dụng.....	54
KẾT LUẬN	58
KIẾN NGHỊ	59
1. Do điều kiện của đề tài hạn chế, vùng tài nguyên còn đa dạng nên đề nghị cần có nghiên cứu điều tra tổng thể và chuyên sâu hơn.....	59
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN VĂN	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	61

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1. Cấu trúc hệ thực vật được sử dụng	24
Hình 3.2. Số lượng taxon trong ngành Mộc lan.....	25
Hình 3.3. Tỷ lệ các taxon giàu loài trong ngành Mộc lan	26
Hình 3.4. Tỷ lệ loài trong chi đa dạng nhất ở khu vực nghiên cứu.....	28
Hình 3.5. Đa dạng về dạng thân của các loài làm thuốc	29
Hình 3.6. Nhóm cây có ích của đồng bào dân tộc H'Mông, Dao tại Bát Xát	31
Hình 3.7. Tỷ lệ loài cây thuốc được người H'Mông và Dao sử dụng.....	32
Hình 3.8. Tỷ lệ bộ phận làm thuốc theo kinh nghiệm của hai dân tộc H'Mông, Dao ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.....	34
Hình 3.9. Tỷ lệ các nhóm bệnh được điều trị.....	37
Hình 3.10. Mục đích sử dụng các cây người ăn được.....	48

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Cấu trúc hệ thực vật được sử dụng	23
Bảng 3.2. Tỷ lệ các taxon trong ngành Mộc lan.	24
Bảng 3.3. Tỷ lệ các taxon trong ngành Mộc lan	26
Bảng 3.4. So sánh các họ giàu loài có ích ở KVNC (1) với các họ giàu loài của hệ thực vật Việt Nam (2).....	27
Bảng 3.5. Các chi đa dạng nhất ở khu vực nghiên cứu	28
Bảng 3.6. Đa dạng về dạng cây của các loài có ích	29
Bảng 3.7. Các nhóm cây có ích của đồng bào dân tộc H'Mông, Dao tại Bát Xát.....	30
Bảng 3.8. Số loài cây thuốc được người H'Mông và Dao sử dụng	32
Bảng 3.9. Sự đa dạng về các bộ phận sử dụng làm thuốc	33
Bảng 3.10. Các nhóm bệnh được điều trị	36
Bảng 3.11. Phương thức sử dụng cây thuốc của đồng bào H'Mông và Dao tại Bát Xát, Lào Cai.....	39
Bảng 3.12. Các bài thuốc được đồng bào dân tộc H'Mông sử dụng.....	40
Bảng 3.13. Các bài thuốc đồng bào dao sử dụng	40
Bảng 3.14. Các cây thuốc có công dụng mới.....	42
Bảng 3.15. Một số cây thuốc được cả hai dân tộc Dao và H'Mông sử dụng.....	44
Bảng 3.16. Mục đích sử dụng các cây người ăn được.....	48
Bảng 3.17. Một số cây ăn quả được sử dụng tại huyện Bát Xát.....	48
Bảng 3.18. Các cây làm rau ăn ở huyện Bát Xát.	50
Bảng 3.19. Các cây dùng làm thức ăn gia súc ở huyện Bát Xát.....	51
Bảng 3.20. Các loài cây bị đe dọa ở huyện Bát Xát.....	52

MỞ ĐẦU

Đặt vấn đề

Việt Nam nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng và ẩm ở Châu Á, được đánh giá là một trong những nước rất phong phú và đa dạng về sinh vật [9]. Hệ Thực vật Việt Nam cũng được biết đến rất đa dạng và phong phú. Theo nghi nhận của Phạm Hoàng Hộ có khoảng 10.500 loài thực vật bậc cao có mạch và dự đoán có đến 12.000 loài; trong đó, số loài cây có ích có khoảng 6.000 loài (Cây cỏ có ích – Võ Văn Chi) chiếm 50% tổng số. Đồng thời, Việt Nam còn là Quốc gia đa dạng về nền văn hóa với 54 dân tộc anh em sinh sống trên khắp các lãnh thổ. Mỗi dân tộc ở mỗi vùng miền khác nhau lại có những tri thức khác nhau về cách sử dụng cây cỏ để phục vụ cuộc sống của họ. Với mức độ đa dạng về hệ thực vật, về văn hóa như vậy, chúng ta đang kế thừa một kho tàng tài nguyên quý giá của các dân tộc trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế.

Việt Nam là Quốc gia có 3/4 là diện tích rừng, nơi có sự đa dạng về nguồn tài nguyên cây có ích và là nơi cư trú của 54 dân tộc trong đó dân tộc thiểu số với khoảng 24 triệu người, chiếm gần 1/3 dân số Quốc gia [26]. Chính sự đa dạng về tộc người cùng với khác biệt về điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, phong tục tập quán, văn hóa trong từng cộng đồng dân tộc đã dẫn đến sự đa dạng về những kinh nghiệm gia truyền trong việc sử dụng những cây cỏ xung quanh mình. Việc sử dụng kinh nghiệm dân gian và nghiên cứu thực vật học dân tộc ở Việt Nam nói chung và các dân tộc thiểu số nói riêng là rất cần thiết để góp phần phát triển nền kinh tế của đồng bào dân tộc.

Bát Xát là huyện có tài nguyên rừng tương đối phong phú và đa dạng so với các huyện khác của tỉnh Lào Cai. Huyện có diện tích rừng là 46.412,2 ha chiếm 33,7% tổng diện tích rừng của toàn tỉnh, chủ yếu là rừng thứ sinh. Hệ sinh thái ở Bát Xát còn tương đối tốt, nhiều động, thực vật quý hiếm còn tồn tại đặc biệt là ở vùng cao Ý Tý, Dền Sáng, Sàng Ma Sáo, Trung Lèng Hồ và Nậm Pung. Huyện Bát Xát có 23 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn và 22 xã. Người dân ở đây chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số gồm 14 dân tộc nhưng chủ yếu là H'Mông, Dao, Hà Nhì, Dáy trong đó đời sống người H'Mông và Dao có quan hệ mật thiết với tài nguyên thiên nhiên.

Cho đến nay, tuy đã có một số nghiên cứu về tri thức bản địa của đồng bào H'Mông và Dao nhưng chủ yếu tập chung ở một số nơi như Sa Pa (Lào Cai), Ba Vì (Hà Nội), Mẫu Sơn (Lạng Sơn)... nhưng chưa có nhiều công bố về tri thức sử dụng cây có ích đồng bào H'Mông và Dao ở Bát Xát, do đó chúng tôi lựa chọn đề tài **“Điều tra kinh nghiệm sử dụng cây có ích của đồng bào dân tộc H'Mông và Dao của huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai”**

Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá đa dạng nguồn cây có ích được sử dụng trong cộng đồng hai dân tộc H'Mông và Dao tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Các kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở khoa học để bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật có ích và vốn kinh nghiệm độc đáo trong việc sử dụng cây có ích của đồng bào dân tộc H'Mông và Dao tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Chương 1: TỔNG QUAN

1.1. Tình hình sử dụng và nghiên cứu cây có ích trên Thế giới

1.1.1. Tình hình sử dụng các nhóm cây có ích trên Thế giới

Lịch sử hình thành con người luôn gắn với Thế giới tự nhiên, ngay từ thừa số khai họ đã biết khai thác nguồn tài nguyên thực vật để phục vụ đời sống của mình. Người dân sử dụng cây cỏ với nhiều mục đích khác nhau như thực phẩm, y học dân tộc, thức ăn gia súc, nhiên liệu, thuốc nhuộm, tannin, sợi, nhựa, sản xuất công cụ công nghiệp và săn bắn. Trong đó nhóm cây lâm sản ngoài gỗ, đặc biệt là cây thuốc và cây cho hương thơm được coi là một thứ hàng hóa miễn phí được thu thập từ thiên nhiên tại Nepal [53].

Từ ngàn năm trước, gỗ đã được con người sử dụng phổ biến trong đời sống hàng ngày, chúng không chỉ được sử dụng làm nhiên liệu hoặc vật liệu xây dựng nhà cửa, mà chúng còn được sử dụng để chế tạo những công cụ lao động sơ khai, vũ khí săn bắt đơn giản đến những công trình nghệ thuật thậm chí là làm giấy. Gỗ là nguyên, vật liệu được con người sử dụng lâu đời và rộng rãi, là một trong những vật tư chủ yếu của nền kinh tế quốc dân. Tại Nepal hơn 87% nhu cầu năng lượng của quốc gia được đáp ứng bởi các sản phẩm từ rừng và mỗi người tiêu thụ một mét khối gỗ mỗi năm cho mục đích này [10, 53].

Trên Thế giới, thực vật cho sợi có khoảng 425 loài (chỉ riêng Đông Phi đã thống kê được 352 loài cây cho sợi) thuộc 134 chi trong 41 họ, trong đó có nhiều loài quý được sử dụng gần như toàn cầu, như các loài trong chi bông. Ngoài ra, tùy theo thói quen, các dân tộc còn lấy sợi từ các cây bản địa, như người Philippin dùng cây chuối sợi, người Mêhicô, Giava và châu Phi dùng các loài của chi Thùa, Ấn Độ là trung tâm sản xuất sợi đay, Trung Quốc sản xuất sợi gai, châu Âu sản xuất sợi lanh. Một số loài trong họ gai được sử dụng để lấy sợi vì sợi gai bền, chắc, chịu lực, chịu nắng. Người ta sử dụng sợi gai để sản xuất các loại hàng như dệt vải, may mặc, lưới đánh cá, vải lót lốp xe đạp, ô tô, dây cưa roa, chỉ khâu giày... Sản lượng gai hàng năm trên Thế giới khoảng 130.000 tấn. Trung Quốc là nước sản xuất nhiều nhất khoảng 100.000 tấn, tiếp theo đến Braxin là 16.000 tấn. Ở Việt Nam ngành này không phát triển mạnh mà chỉ là ngành thủ công ở một số ít địa phương [10, 19].